

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 외국인근로자의 고용 등에 관한 법률 시행규칙 [별지 제12호서식] <개정 2024. 1. 10.> EPS시스템(www.eps.go.kr)에서도
■ Thông tư hướng dẫn Luật Tuyển dụng người lao động nước ngoài [Mẫu đính kèm số 12] <Sửa đổi 2024. 1. 10.> 이용할 수 있습니다
Có thể sử dụng tại hệ thống EPS (www.open.go.kr)

외국인근로자 고용변동 등 신고서
ĐƠN KHAI BÁO THAY ĐỔI
VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

* 표시란은 기입하지 않습니다.

(앞쪽)

* Không điền vào phần được đánh dấu

(Mặt trước)

*접수 *Tiếp nhận	접수연월일 Năm tháng ngày tiếp nhận	접수번호 Số tiếp nhận	처리부서 Bộ phận xử lý	*선결 *Ưu tiên xử lý	청장(지청장) Giám đốc sở (Trưởng chi nhánh)	과장 Trưởng phòng	팀장 Trưởng nhóm	담당 Phụ trách

※ 뒤쪽의 유의사항 및 작성방법을 읽고 작성해 주시기 바랍니다.

※ Vui lòng đọc cách điền đơn ở mặt sau để điền đơn.

외국인 고용 사 업장 Doanh nghiệp tuyển dụng người nước ngoài	①고용보험사업장 관리번호 ①Số quản lý doanh nghiệp bảo hiểm việc làm	②사업자등록번호(주민등록번호) ②Số đăng ký kinh doanh (số chứng minh thư Hàn)
	③사업장명 ③Tên công ty	④대표자 ④Người đại diện
	⑤소재지 주소 ⑤Địa chỉ công ty	⑥연락처 ⑥Số điện thoại
		전화번호 Số điện thoại
		휴대전화번호 Số di động
		팩스번호 Số Fax
		전자우편(이메일) Thư điện tử (Email)

※ []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다.

※ Đánh dấu “√” vào [] tương ứng.

고용변동 사유 Lí do thay đổi việc làm	[] 사망
	[] Qua đời
	[] 부상 등으로 계속 근무가 부적합 경우
	[] Trường hợp không đủ khả năng tiếp tục làm việc do chấn thương, v.v.
	[] 사용자의 승인없이 5일 이상 결근하거나 그 소재를 알 수 없는 경우
	[] Trường hợp vắng mặt trên 5 ngày mà không có sự chấp thuận của người sử dụng lao động hoặc không biết nơi cư trú.
	[] 근로계약 중도 해지
	[] Chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn

신고대상 외국인의 인적사항 및 신고사항 Thông tin cá nhân của người nước ngoài phải khai báo và thông tin khai báo	일련번호 Mã số	(1)	(2)	(3)
	⑦성명(영어)			
	⑦Họ tên(tiếng Anh)			
	⑧국적			
	⑧Quốc tịch			
	⑨여권번호			
	⑨Số hộ chiếu			
	⑩외국인등록번호			
	⑩Số đăng ký người nước ngoài			

유의사항
Nội dung lưu ý

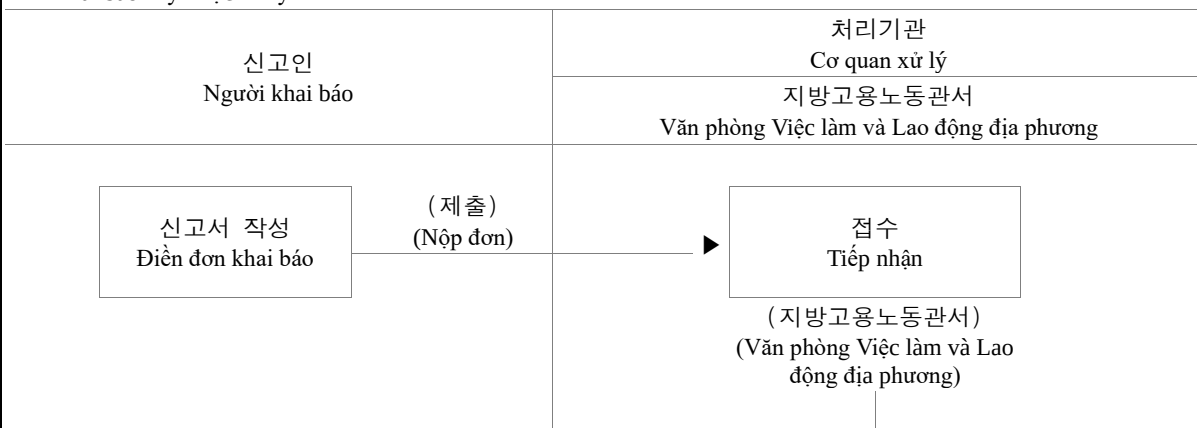
1. 사용자 또는 근무처의 명칭, 근무 장소가 변경되거나 변경된 사실을 안 날부터 15일 이내에 신고하기 바랍니다.
1. Vui lòng khai báo trong vòng 15 ngày kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về tên hoặc địa điểm của người sử dụng lao động hoặc nơi làm việc hoặc kể từ ngày biết sự thay đổi đó.
2. 외국인근로자 고용사업장 정보변동 신고서는 직접 또는 팩스 등의 방법으로 제출이 가능합니다.
2. Đơn khai báo thay đổi thông tin nơi làm việc của người lao động nước ngoài có thể nộp trực tiếp hoặc bằng Fax, v.v.
3. 외국인근로자 고용사업장 정보변동 신고를 하지 않거나 거짓으로 신고할 경우 「외국인근로자의 고용 등에 관한 법률」 제32조제1항제7호에 따라 500만원 이하의 과태료를 부과받게 될 수 있습니다.
3. Nếu không khai báo thay đổi thông tin nơi làm việc của người lao động nước ngoài hoặc khai báo sai sự thật, có thể bị phạt tiền tối đa 5 triệu won theo điểm 7 khoản 1 Điều 32 “Luật Tuyển dụng người lao động nước ngoài”.

작성방법
Cách điền đơn

1. ①~④란은 고용허가서와 동일하게 작성하고, ⑤~⑥란은 고용허가서 내용과 변경된 사항이 없는 경우 작성하지 않아도 됩니다.
1. Mục ①~④ điền thông tin giống như trên giấy phép lao động, mục ⑤~⑥ không cần điền nếu không có thay đổi nào so với giấy phép lao động.
2. 가사사용인은 ②란의 사업자등록번호에는 세대주의 주민등록번호를, ③란의 사업장명과 ④란의 대표자는 세대주의 성명을 적기 바랍니다.
2. Đối với người giúp việc gia đình, vui lòng điền số chứng minh thư Hàn của chủ hộ vào mục ② Số đăng ký kinh doanh, và điền tên chủ hộ vào mục ③ Tên địa điểm kinh doanh và mục ④ Người đại diện.
3. ⑦~⑨란은 외국인근로자 고용허가서의 외국인근로자 고용허가 내용과 동일하게 적습니다.
3. Mục ⑦~⑨ điền giống với nội dung cho phép tuyển dụng người lao động nước ngoài trong giấy phép lao động của người lao động nước ngoài.
4. ⑩란의 외국인등록번호는 법무부 출입국관리사무소에서 부여받은 외국인등록증 번호를 적습니다.
4. Điền số thẻ đăng ký người nước ngoài do Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh Bộ Tư pháp cấp vào mục ⑩ Số đăng ký người nước ngoài.
5. ⑬란은 신고 사유가 발생하거나 발생한 사실을 알게 된 날짜를 적습니다.
5. Mục ⑬ điền ngày xảy ra lí do khai báo hoặc ngày biết được sự việc xảy ra.
6. ⑭란의 발생사유는 고용변동 신고 사유를 구체적으로 적습니다(고용계약 해지의 경우 해지 사유를 구체적으로 적습니다).
6. Mục ⑭ điền chi tiết lí do khai báo thay đổi việc làm (trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động điền chi tiết lí do chấm dứt).
7. 신고대상 외국인근로자가 4명 이상인 경우 해당 외국인근로자의 인적사항 및 신고사항을 별지의 근로자 명부로 만들어 첨부할 수 있습니다.
7. Nếu có trên 4 người lao động nước ngoài phải khai báo, có thể lập và đính kèm danh sách người lao động bao gồm thông tin cá nhân của người lao động nước ngoài và các vấn đề khai báo.

처리절차
Quy trình xử lý

이 신고서는 아래와 같이 처리됩니다.
Đơn khai báo này được xử lý như sau.





확인 · 검토
Xác nhận, kiểm tra
(지방고용노동관서)
(Văn phòng Việc làm và Lao
động địa phương)



전산입력
Nhập dữ liệu vào hệ thống
(지방고용노동관서)
(Văn phòng Việc làm và Lao
động địa phương)